

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày 18 - 7 - 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Bốn

Ông Lê Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2024/QĐ - ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thạch D, sinh năm 1980

Địa chỉ: A Raymond Ave L, CA 90804, C, USA

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch D: Chị Thạch Thị Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thạch D: Luật sư Trần Văn D1 - Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Thạch Thị T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2. Ông Thạch D2, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn ông Thạch D và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thạch Thị Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên vào các năm 2018, 2019 ông Thạch D2 và bà Thạch Thị T1 có mượn của anh Thạch D nhiều lần với tổng số tiền 7.350 USD. Nay ông Thạch D yêu cầu bà Thạch Thị T1 và ông Thạch D2 trả cho ông D số tiền 172.725.000 đồng (tương đương 7.350 USD).

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trình bày: Ông Thạch D2, bà Thạch Thị T1 thừa nhận có nhận tiền của ông Thạch D gửi về từ Mỹ nhiều lần nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu. Số tiền mà ông, bà nhận từ ông D này không phải là ông, bà mượn của ông D mà ông D gửi về cho ông, bà chi vào những việc sau: Ông, bà đưa cho bà Thạch Thị T2 2.000USD (chị ruột ông D, bà T1); trả tiền thức ăn nuôi bò cho ông D 32.000.000 đồng (do bà Thạch Thị T2 nuôi dùm ông D); trả tiền ông Dương m của bà Thạch Thị N 10.000.000 đồng; trả tiền ông, bà mượn của bà D3 dùm cho ông D số tiền 10.000.000 đồng; trả tiền ông, bà mượn của xui gia ông, bà là bà Thạch Thị L dùm cho ông D số tiền 50.000.000 đồng; trả tiền ông, bà mượn của con gái ông, bà là chị Thạch Thị Đ dùm cho ông D số tiền 30.000.000 đồng; trả tiền xe rước ông D từ sân bay về nhà số tiền 8.800.000 đồng; ông D cho ông, bà số tiền 100 USD; số tiền còn lại ông, bà đưa cho “vợ bé” của ông D khi sống ở nhà của ông, bà. Nay ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thạch D.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị Thanh T rút lại yêu cầu khởi kiện của ông Thạch D đối với số tiền 4.350 USD, chỉ yêu cầu bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả cho ông Thạch D số tiền 3.000 USD (tương đương 75.000.000 đồng) tại các lần gửi tiền ngày 12/6/2019 và ngày 03/7/2019 theo 02 Bản Sao kê giao dịch cùng ngày 23/9/2022 của Công ty TNHH K (BL 60 – 61).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Nguyên đơn ông Thạch D có gửi tiền về cho bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 mượn số tiền 7.350 USD. Do nghĩ tình giữa ông D với bà Thạch Thị T1 là chị em ruột nên ông D rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền 4.350 USD, ông D chỉ yêu cầu bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả cho ông D số tiền 3.000 USD (tương đương 75.000.000 đồng) tại các lần gửi tiền ngày 12/6/2019 và ngày 03/7/2019 theo 02 Bản Sao kê giao dịch cùng ngày 23/9/2022 của Công ty TNHH K. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông D.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Nguyên đơn ông Thạch D có gửi cho bị đơn bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 số tiền 7.350 USD. Phía bị đơn có nại ra việc sử dụng số tiền này là sử dụng cho lợi ích của ông D nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông D rút lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.350 USD, chỉ yêu cầu bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả cho nguyên đơn ông D số tiền 3.000USD (tương đương 75.000.000 đồng) tại các lần gửi tiền ngày 12/6/2019 và ngày 03/7/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D đối với số tiền 4.350 USD; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đối với số tiền 3.000USD (tương đương 75.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Thạch D, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Thạch D đang định cư ở Mỹ. Căn cứ vào các Điều 26, 37, 38, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Tại Bản sao kê giao dịch ngày 28/9/2022 của Công ty TNHH một thành viên V1 và tại 02 Bản sao kê giao dịch cùng ngày 23/9/2022 của Công ty TNHH K thể hiện: Từ năm 2018 đến năm 2019 thì anh Thạch D có gửi tiền về cho bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 nhận tổng cộng số tiền là 7.350 USD (BL 57, 60, 61). Như vậy, có cơ sở khẳng định bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 có nhận số tiền 7.350 USD của ông Thạch D.

[5] Qua xác minh bà Thạch Thị T2 thì bà T2 cho rằng bà không có nhận số tiền 2.000 USD từ bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 (BL 74); bà Lý Thị Kim P cho biết trước đây ông Thạch D2 có đến đại lý thức ăn của bà mua thức ăn của bà được vài lần, mỗi lần từ 01- 02 bao thức ăn, việc ông Thạch D2, bà Thạch Thị T1 cho rằng mua thức ăn cho bò số tiền 32.000.000 đồng là không đúng sự thật (BL 89 – 90); bà Cao Thị T3 cho rằng trước đây bà Thạch Thị T2 có kêu xe dịch vụ của

gia đình bà để chờ anh Thạch D, từ trước đến nay bà không có giao dịch gì với bà Thạch Thị T1 (BL 85 – 86); chị Kiên Thị Done N1 (bà T1 khai tên là Thạch Thị Đa N2) cho rằng chị là cháu anh Thạch D, bà Thạch Thị T1, chị kêu ông D là cậu, kêu bà T1 bằng dì. Vào khoảng cuối năm 2019 đầu năm 2020 chị có ở tại nhà bà Thạch Thị T1 khoảng 04 tháng, lý do chị ở nhà bà T1 là do chị bị bệnh, ông D kêu chị ở để thuận tiện việc chữa bệnh. Trong quá trình chị ở nhà bà T1 thì bà T1, ông D2 không có đưa tiền gì cho chị (BL 76 – 78); bà Thạch Thị N cho rằng bà là em ruột ông Thạch D2, trước đây bà Thạch Thị T1 có đến nhà bà hỏi mượn bà số tiền 10.000.000 đồng, bà T1 có nói là mượn dùm ông Thạch D (BL 87 – 88); bà Thạch Thị L cho rằng bà là sui gia với bà Thạch Thị T1, trước đây bà Thạch Thị T1 có đến nhà bà hỏi mượn bà số tiền 50.000.000 đồng, bà T1 có nói là mượn tiền để trả tiền thức ăn nuôi bò cho ông Thạch D và trang trải chi phí khi ông Thạch D về nước (BL 91 - 92). Qua lời khai trên của người làm chứng cho thấy lời nại ra của bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 về việc chi số tiền 7.350USD nhận từ ông Thạch D như ông, bà trình là không có cơ sở. Đối với lời khai của bà Thạch Thị N là em ruột ông Thạch V, bà Thạch Thị L là sui gia với ông D2, bà T1 cho rằng chỉ nghe bà T1 nói là mượn tiền dùm cho ông Thạch D, hơn nữa bà N, bà L có mối quan hệ thân thích với ông D2, bà T1 nên lời khai của bà N, bà L không mang tính khách quan.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thạch D rút lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.350 USD, chỉ yêu cầu bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả cho nguyên đơn ông D số tiền 3.000 USD (tương đương 75.000.000 đồng) tại các lần gửi tiền ngày 12/6/2019 và ngày 03/7/2019 (BL 60 - 61). Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T rút lại yêu cầu khởi kiện của ông D đối với số tiền 4.350 USD là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với số tiền 4.350 USD này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả cho ông D số tiền 3.000 USD (tương đương 75.000.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy từ những chứng cứ và phân tích trên [4], [5], yêu cầu này của ông D là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 37, 38, 39, 147, 227, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch D yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả số tiền 4.350 USD.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch D yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 trả số tiền 75.000.000 đồng (tương đương số tiền 3.000 USD) tại các lần gửi tiền ngày 12/6/2019 và ngày 03/7/2019.

Buộc bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 liên đới trả cho ông Thạch D số tiền 75.000.000 đồng (tương đương số tiền 3.000 USD) tại các lần gửi tiền ngày 12/6/2019 và ngày 03/7/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị T1, ông Thạch D2 phải chịu 3.750.000 đồng.

Anh Thạch D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Thạch D 4.312.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Thạch D đã nộp theo biên lai số 0001508 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Hùng